TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2019/HS-ST
Ngày 28-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Châu Hoàng Huy.
Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên - Kiểm sát viên.

Trongngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Lê Văn M, sinh năm 1988; Nơi sinh: Huyện T, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp 3, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Lê Văn T, sinh năm 1963, mẹ: Huỳnh Mỹ L, sinh năm 1967; vợ và con: Không; tiền án: Bản án số 117 ngày 26-9-2011 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", chấp hành xong ngày 28-7-2013 và Bản án số 58 ngày 24-9-2014 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong ngày 21-4-2016; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 19-7-2019, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1. Anh Trần Minh P, sinh năm 1975.

2. Anh Nguyễn Phi H, sinh năm 1988.
3. Anh Nguyễn Phi T, sinh năm 1985.
4. Anh Tô Minh H, sinh năm 1970.
5. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1950.
Cùng cư trú: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.
6. Anh Hồ Văn T, sinh năm 1994.
7. Anh Lâm Văn V, sinh năm 1994.
Cùng cư trú: Ấp X, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.
8. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1991.
9. Anh Trương Cao K, sinh năm 1989.
10. Anh Trần Văn T, sinh năm 1986.
11. Anh Tô Minh T, sinh năm 1989.
12. Anh Nguyễn Thái N, sinh năm 1997.
13. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1987.
14. Ông Tô Việt A, sinh năm 1964.
Cùng cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.
15. Anh Phạm Văn K, sinh năm 1994.
16. Ông Phạm Thế K, sinh năm 1965.
17. Anh Phạm Văn L, sinh năm 1976.
Cùng cư trú: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.
18. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1988.
Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.
19. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984.
20. Anh Võ Văn T, sinh năm 1986.
Cùng cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.
21. Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1990.
Nơi cư trú: Ấp L, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.
22. Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1987.
23. Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1975.
24. Anh Kiều Minh H, sinh năm 1980.
25. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1978.
26. Anh Lâm Hoàng G, sinh năm 1970.
27. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1980.
Cùng cư trú: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.
28. Anh Nguyễn Minh K, sinh năm 1984.
Nơi cư trú: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.
29. Anh Ngô Quốc T, sinh năm 1982.
Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.
30. Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1990.
Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Tất cả các bị hại vắng mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Thái Văn K, sinh năm 1991 (vắng mặt).
2. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1979 (vắng mặt).
Cùng cư trú: Ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn M là người làm thuê cho Nguyễn Giang L, công việc thu mua sò huyết giống tại ấp 3, xã K, huyện M. Tháng 01 năm 2018, vùng biển huyện M từ T đến G vào mùa sò huyết giống và có nhiều ngư dân đến cào sò huyết giống nên Nguyễn Giang L nảy sinh ý định thu tiền bãi của các ngư dân đến cào sò. Để thực hiện ý định trên, L tổ chức cho Nguyễn Hoàng N, Lê Văn M và Lê Hải T dùng vỏ máy công suất lớn mang theo hung khí là dao tự chế và Baton đi ra vùng biển huyện M từ T đến G để đe dọa ngư dân không cho cào sò huyết giống. Ai muốn cào sò huyết giống thì phải vào nhà gặp L xin phép và phải đóng tiền bãi từ 02 đến 03 triệu đồng hoặc cào sò đưa cho L một ngày, L cho lại 500.000đ đến 1.000.000đ tiền dầu và những ngày cào sò tiếp theo phải bán sò cào được cho L. Nếu các ngư dân không đồng ý với hai điều kiện của L đưa ra thì L sẽ không cho cào và cho đồng bọn là N, M, T dùng vỏ máy công suất lớn mang theo hung khí ra bãi sò gây áp lực đe dọa, rượt đuổi không cho cào sò, buộc các ngư dân phải chấp nhận điều kiện của L.

Khoảng 20 giờ ngày 27-01-2018, nhóm ngư dân của anh Nguyễn Văn Ng và Võ Văn T gồm 13 phương tiện đến vùng biển huyện M cào sò huyết giống. L phát hiện nên phân công N, M và T điều khiển vỏ máy mang hung khí dao tự chế đến chỗ nhóm anh Ng đang cào sò để đe dọa không cho cào sò. Nếu muốn cào sò thì phải vào nhà gặp L để xin phép. Nhóm anh Ng không đồng ý thì N kêu T điều khiển vỏ máy đâm vào vỏ máy của anh Ng và N dùng dao tự chế chém trúng vào vỏ của anh Ng. Anh Ng và các ngư dân khác điều khiển vỏ máy bỏ chạy thì bị nhóm của N điều khiển vỏ máy rượt đuổi. Sau đó, anh Võ Văn T điều khiển vỏ máy vào nhà gặp L để xin cào sò. Với thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian cuối tháng 01 và tháng 02 năm 2018 có nhiều ngư dân đến gặp L để đóng tiền bãi hoặc cào sò đưa cho L một ngày. Số tiền L nhận tiền bãi là 32.000.000 đồng. Bao gồm nhóm ngư dân do anh Thái Văn K đại diện đóng tiền bãi cho L mỗi phương tiện 2.000.000 đồng, tổng số 13 phương tiện là 26.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn K trực tiếp đóng tiền bãi cho L số tiền 3.000.000 đồng và anh Phạm Văn K trực tiếp đóng tiền bãi cho L số tiền 3.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 05-11-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Lê Văn M về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát bảo vệ toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn M phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản". Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn M từ 03 năm đến 04 năm tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ cho những bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người này.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên và Kiểm sát viên thực hiện hành vi tố tụng và ban hành các quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn M khẳng định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo tự nguyện khai báo; những người tiến hành tố tụng không ép cung, mớm cung, bức cung đối với bị cáo nên các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[3] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của L, T, N, những bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian tháng 01 và tháng 02 năm 2018, Nguyễn Giang L tổ chức phân công cho Nguyễn Hoàng N, Lê Văn M và Lê Hải T dùng vỏ máy công suất lớn, mang theo hung khí là dao tự chế đi ra vùng biển huyện M từ T đến G để đe dọa ngư dân cào sò huyết giống, thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của các ngư dân với số tiền 32.000.000 đồng là thuộc trường hợp nghiêm trọng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm nhưng vẫn thực hiện nhằm đạt được mục đích. Bị cáo M bị 02 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

[4] Như vậy, đã có đầy đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn M phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm a, e khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn M là nguy hiểm, đã trực tiếp chiếm đoạt tài sản của các bị hại trái pháp luật. Hành vi của bị cáo còn tác động

trực tiếp đến tình hình an ninh trật tự xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì lợi ích cá nhân mà bất chấp chế tài hình sự để cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác trái pháp luật. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt thật nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo đủ điều kiện giáo dục, giúp bị cáo cải sửa trở thành công dân có ích cho xã hội và bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật; đồng thời nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng để giảm một phần hình phạt cho bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với các bị cáo Nguyễn Giang L, Nguyễn Hoàng N, Lê Hải T và các vật chứng vụ án đã được xử lý tại Bản án số: 06/2019/HS-ST ngày 04-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau và Bản án số: 73/2019/HS-PT ngày 12-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định tại Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn M phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo Lê Văn M **03** (**Ba**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 7 năm 2019.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Lê Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện U Minh;
- Cơ quan THA HS huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Bị cáo; các bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út